

Số : 625/QĐ-UB

Đông Hà, ngày 18 tháng 03 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

V/v Phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công, dự toán các hạng mục cơ sở hạ tầng giai đoạn II của Công trình Khu neo đậu trú bão và hậu cần nghề cá Cửa Tùng, tỉnh Quảng Trị

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 ban hành Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ; Nghị định số 12/2000/NĐ - CP ngày 05/5/2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ;
- Căn cứ Quyết định số 18/2003/QĐ-BXD ngày 27/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng; Thông tư 09/2000/TT-BXD ngày 17/7/2000 và thông tư 07/2003/TT-BXD của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí xây dựng công trình; Thông tư số 05/2003/TT-BXD ngày 14/3/2003 của Bộ Xây dựng hướng dẫn điều chỉnh dự toán công trình xây dựng cơ bản;
- Căn cứ Quyết định UBND tỉnh Quảng Trị số 2119/QĐ-UB ngày 01/10/2002 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; số 580/QĐ-UB ngày 12/3/2004 phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư công trình Khu neo đậu trú bão và hậu cần nghề cá Cửa Tùng;
- Xét Hồ sơ Thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán công trình do Trung tâm kỹ thuật các công trình đặc biệt - Bộ Quốc phòng lập ; Văn bản báo cáo thẩm tra thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán số 178/TT-HT ngày 02/01/2004; Văn bản thẩm tra dự toán số 180/TT-HT ngày 05/01/2004 do Công ty tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng thuộc Bộ Xây dựng lập và đề nghị của Sở Thủy sản tại tờ trình số 25 /TT-TS ngày 15 tháng 03 năm 2004,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công, dự toán các hạng mục cơ sở hạ tầng giai đoạn hai của công trình Khu neo đậu trú bão và hậu cần nghề cá Cửa Tùng , tỉnh Quảng Trị với các nội dung chủ yếu sau:

1- Các hạng mục, thông số kỹ thuật cơ bản và khối lượng :

1.1. Các hạng mục thủy công :

a- Nạo vét luồng và khu nước trước cảng :

- Nạo vét luồng từ biển vào cảng: Luồng rộng 60 m; mái dốc $m=1/5$; dài 335 m; cao độ nạo vét - 3,1m. Nạo vét khu nước trước cảng có diện tích $144.494m^2$, khu vực trước bến lớn và khu quay trở tàu có cao độ nạo vét - 3,1m, khu vực còn lại - 1,8m.

- Tổng khối lượng nạo vét $240.857m^3$.

b- San lấp mặt bằng :

- Diện tích san lấp $83.54m^2$; Cao độ san lấp + 2,7m; Khối lượng san lấp $189.218m^3$. Vật liệu san lấp bằng cát, hệ số đầm chặt $K= 0,9$.

c- Bến tàu lớn:

- Kiểu bến liên bờ: dài 80 m; rộng 12m; cao độ mặt bến + 2,7m .

- Kết cấu bến sử dụng phương án bê cọc cao, hệ dầm bản bê tông cốt thép. Cọc BTCT 400x400mm M300, các dầm chính của bến có tiết diện $600x700mm$ và $600x800mm$, bản sàn bến dày 250mm, M300.

- Đệm va cao su LAMBDA, $L= 2,15m$, $D= 600mm$.

d- Bến tàu nhỏ :

- Bến có chiều dài 208m dọc với tuyến bờ. Kết cấu sườn chống xô, chống lật được đổ liền khối trên hệ cọc BTCT 300x300mm M300. Mái nghiêng xây bằng đá hộc vữa xi măng M100. Từ cao độ +1,6 đến + 2,7m có độ dốc $m=1/2$.

e- Kè bảo vệ :

Chiều dài tuyến kè bảo vệ dài 207,5m, cao độ đỉnh +2,5m. Kết cấu chân khay đá hộc, mái $m = 1/2$ được xây bằng đá hộc.

f- Trụ neo tàu độc lập :

- Bờ bắc bố trí 8 trụ, bờ nam bố trí 16 trụ. Kết cấu trụ neo dạng móng cọc đài thấp. Đài móng dày 1.000mm, kích thước $3.000x3.000mm$, nằm trên bốn cọc BTCT 300x300mm dài 7m , M300.

1.2. Các hạng mục kỹ thuật hạ tầng :

a- Đường vào cảng và đường bãi trong cảng:

- Đường vào cảng và đường trong cảng thiết kế theo tiêu chuẩn trọng tải xe H13-XB60(trọng tải trục tiêu chuẩn 13 tấn).

- Đường vào cảng có chiều dài 50m, rộng 9m: lòng đường bê tông asphalt rộng $6m$ +vía hè $2x1,5m$. Đường có kết cấu: bê tông nhựa hạt mịn dày 5cm; bê tông nhựa hạt trung dày 7cm; đá dăm tiêu chuẩn dày 30cm.

- Đường nội bộ cảng có chiều rộng 12m: lòng đường rộng $7m$ +vía hè $2x2,5m$. Đường có hai loại kết cấu: loại bê tông nhựa hạt mịn dày 5cm; bê tông nhựa hạt trung dày 7cm; đá dăm tiêu chuẩn dày 30 cm, loại tấm bê tông xi măng M300 dày 20cm; đá dăm tiêu chuẩn dày 15cm.

b- Hệ thống cấp điện :

- Trạm biến áp 500 KVA 22(10)/0,4 KV.

- Dây trung áp 10 KV dài 479 m, loại dây ACSR-70 có khả năng chống ăn mòn, cột BTLT 10,5m.

- Dây hạ thế cấp cho khu vực cảng dài 746m, loại dây (3xAV150+1xAV95) và (3xAV70+1xAV50). Cấp điện cho các giếng bơm

nước ngọt dùng cáp bọc PVC/M3x25+1x16 và M3x16+1x10 treo trên dây thép định vị trên cột DH7,5.

- Hệ thống đèn chiếu sáng và bảo vệ cảng.

c- Hệ thống cấp thoát nước:

- Hệ thống cấp nước ngọt: Nước được bơm từ 3 giếng đưa về cụm xử lý tại cảng; bể nước điều hoà 250m³; Đài nước BTCT cao 10,8m dung tích 30m³; Trạm bơm và hệ thống ống dẫn D=100. Công suất thiết kế của hệ thống 500m³/ngày đêm.

- Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước khu vực.

- Hệ thống thoát nước thải là các ống BTCT D=300, trên mạng lưới cống thoát có bố trí các hố ga, khoảng cách trung bình 20 m một hố. Bể xử lý có dung tích 50m³.

1.3- Các hạng mục nhà xưởng:

a- Nhà phân loại có mái che (chợ cá) :

- Kích thước 15x55m. Kết cấu phần thân sử dụng hệ khung thép một tầng một nhịp ZAMIL, nhịp 15m. Móng đơn đỡ cột khung, bê tông M=200, đá 1x2.

b- Nhà điều hành cảng :

- Nhà hai tầng có diện tích mặt bằng 255m², kết cấu sử dụng hệ khung sàn BTCT, tường gạch xây, mái lợp tôn chống nóng và chống thấm.

c- Nhà bảo vệ :

- Kích thước 2,5 x 2m. Kết cấu tường gạch chịu lực, mái lợp ngói màu đỏ.

d- Cổng và tường rào:

- Cổng sắt chạy trên ray, đóng mở bằng bộ mô-tơ, hộp số và xích truyền lực.

- Tường rào xây gạch thẻ, được bổ trụ 300x300mm, khoảng cách trụ là 3,3m.

1.4- Hệ thống thiết bị thiết yếu :

a- Thiết bị thông tin liên lạc :

- Cột Anten mạ kẽm 0,3x0,3x20 m, đèn báo hiệu.

- Hệ thống liên lạc hữu tuyến : Tổng đài Panasonic 24 số; máy điện thoại Panasonic TS-5 và các thiết bị đồng bộ kèm theo.

- Hệ thống liên lạc vô tuyến : Một máy HFICOM710 P= 150 W; một máy VHF CM35 P= 150W; một máy bộ đàm 12 băng Galaxy; sáu máy liên lạc cầm tay VHF ICOM M10 cùng các thiết bị đồng bộ kèm theo.

b- Máy phát điện :

- Máy phát điện Model DGEF P= 250 KVA, điện áp 220/380V-3 pha 4 dây-50Hz; năm sản xuất 2003.

c- Các thiết bị khác :

- Thiết bị phòng cháy chữa cháy.

- Thiết bị hệ thống điện.

- Thiết bị văn phòng nhà điều hành.

- Ca nô 25HP Yamaha.

2. Giá trị dự toán : 39.538.559.000 đồng
(Ba mươi chín tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu, năm trăm năm mươi chín ngàn đồng chẵn)

Trong đó:

- Giá trị xây lắp: 33.304.818.000 đồng
- Giá trị thiết bị: 1.351.319.000 đồng
- Chi phí khác: 3.032.217.000 đồng
- Dự phòng phí: 1.850.205.000 đồng

3- Nguồn vốn : Nguồn vốn thuộc Chương trình Biển đông-Hải đảo.

Điều 2 : Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các Ông Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở : Thủy sản, Kế hoạch và đầu tư, Xây dựng, Giao thông - Vận tải, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện Vĩnh Linh, Gio Linh và Thủ trưởng các Ban , Ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận :

- Như Điều 2
- Ban chỉ đạo BĐ-HĐ
- Bộ Thủy sản (b/c)
- Bộ Kế hoạch và đầu tư(b/c)
- Bộ Tài chính (b/c)
- Lưu VT,NN

TM/UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
QU CHỦ TỊCH



Lê Hữu Phúc